TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 20-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Thu Hương
2. Ông Nguyễn Công Đời

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc*" ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp 14, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Hoàng D, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp 14, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Đào Hoàng D chung sống vào năm 2001, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã V. Vợ chồng có 02 con chung là Đào Thị Thùy L, sinh ngày 02/11/2001 và Đào Minh T, sinh ngày 23/12/2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D thường xuyên ghen tuông vô cớ, từ đó dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm giữa vợ chồng không còn hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung

theo nguyện vọng của con, con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Đào Hoàng D trình bày: Thống nhất với lời khai của chị T về hôn nhân và con chung. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh không thống nhất, mong muốn được hàn gắn do vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Trường hợp Tòa xử ly hôn thì anh yêu cầu xin nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu. Về nợ: không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Về con chung: giao hai cháu Thùy L và Minh T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh D chung sống với nhau từ năm 2001, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn trễ hạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay chị T xin ly hôn, mâu thuẫn của anh chị đã được Ủy ban nhân dân xã và Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, tạo điều kiện cho chị T và anh D hàn gắn nhưng không thành. Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D cho thấy quá trình chung sống của anh chị có nhiều mâu thuẫn, đời sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ly thân từ tháng 6/2019 đến nay. Tại phiên tòa, mặc dù anh D xin hàn gắn nhưng chị T cương quyết ly hôn nên anh cũng thống nhất. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị Thùy L, sinh ngày 02/11/2001 và cháu Đào Minh T, sinh ngày 23/12/2007 (hiện hai cháu đang sống chung cùng anh D). Anh D yêu cầu nuôi con, nguyện vọng của cháu L và cháu T được tiếp tục sống với anh D. Qua xác minh anh D có đủ điều kiên nuôi con. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu L và cháu T cho anh D nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con: anh D không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0006136 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị T đối với anh Đào Hoàng D.

2- Về con chung: Giao cháu Đào Thị Thùy L, sinh ngày 02/11/2001và cháu Đào Minh T, sinh ngày 23/12/2007 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu T hiện đang sống với anh D.

Về cấp dưỡng nuôi: Anh D không yêu cầu nên không xem xét.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0006136 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm